

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - V
TỈNH V

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V, ngày 04 tháng 9 năm 2025

Số: 48/2025/QĐST-DS

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 24 tháng 8 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 19/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng A**. Địa chỉ trụ sở: Tầng 1 và Tầng 2, Tòa nhà Sailing Tower, số 111A B, phường C, thành phố D.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc E – Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng A.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình F – Chức vụ: Giám đốc Khối Mạng lưới Kinh doanh Ngân hàng Bán lẻ (Theo Giấy ủy quyền về việc tham gia tố tụng số 226369.24 ngày 23/10/2024).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Đình F: Ông Bùi Đăng G – Chức vụ: Giám đốc Thu hồi nợ Trực tiếp và Xử lý nợ Vùng. Đơn vị: Vùng Nam Trung Bộ, Khối Mạng lưới Kinh doanh Ngân hàng Bán lẻ (Theo Giấy ủy quyền về việc tham gia tố tụng số 232618.24 ngày 23/10/2024).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng A tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Mạnh H – SN: 22/6/1979; chức vụ: Cán bộ Ngân hàng A; địa chỉ: Tầng 1 và Tầng 2, Tòa nhà Sailing Tower, số 111A B, phường C, thành phố D (Theo Giấy ủy quyền về việc nộp đơn khởi kiện và tham gia tố tụng số 282558.24 ngày 10/12/2024).

CCCD số: 034079025297; ngày cấp: 28/6/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

- *Bị đơn:*

1. Ông **Trần Văn P** – Sinh năm: 1977.

CCCD số: 052077012796; ngày cấp: 07/02/2022; nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

2. Bà **Mai Thị Ngọc N** – Sinh năm: 1978.

CCCD số: 052178015159; ngày cấp: 07/02/2022; nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Đồng cư trú: Thôn Z, xã X, tỉnh V.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Nguyễn Mạnh H – đại diện Ngân hàng A, ông Trần Văn P và bà Mai Thị Ngọc N thống nhất ngày 05 tháng 7 năm 2022, ông Trần Văn P và bà Mai Thị Ngọc N ký kết Hợp đồng tín dụng số 1087243.22 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 8503058.22 ngày 20 tháng 7 năm 2022, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã được Nhà nước cấp cho ông Trần Văn P và bà Mai Thị Ngọc N số: CP 295691, sổ vào sổ cấp GCN: CS07408, ngày 03/5/2019, cho đến ngày 23/8/2025, ông Trần Văn P và bà Mai Thị Ngọc N còn nợ Ngân hàng A số tiền gốc là 1.680.000.000^d (một tỷ, sáu trăm tám mươi triệu đồng) và lãi là 469.648.667^d (bốn trăm sáu mươi chín triệu, sáu trăm bốn mươi tám nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng) (tính đến ngày 23/8/2025), cả gốc và lãi là 2.149.648.667^d (hai tỷ, một trăm bốn mươi chín triệu, sáu trăm bốn mươi tám nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

2.2. Ông Nguyễn Mạnh H – đại diện Ngân hàng A, ông Trần Văn P và bà Mai Thị Ngọc N thống nhất đến ngày 15 tháng 10 năm 2025, ông Trần Văn P và bà Mai Thị Ngọc N trả cho Ngân hàng A số tiền gốc là 1.680.000.000^d (một tỷ, sáu trăm tám mươi triệu đồng) và lãi là 469.648.667^d (bốn trăm sáu mươi chín triệu, sáu trăm bốn mươi tám nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng), cả gốc và lãi là 2.149.648.667^d (hai tỷ, một trăm bốn mươi chín triệu, sáu trăm bốn mươi tám nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng) (tính đến ngày 23/8/2025) và tiếp tục trả lãi theo Hợp đồng các bên đã ký kết cho đến khi hết nợ.

2.3. Ông Nguyễn Mạnh H – đại diện Ngân hàng A, ông Trần Văn P và bà Mai Thị Ngọc N thống nhất nếu đến ngày 15 tháng 10 năm 2025, ông Trần Văn P và bà Mai Thị Ngọc N không trả đủ cho Ngân hàng A số tiền gốc là 1.680.000.000^d (một tỷ, sáu trăm tám mươi triệu đồng) và lãi là 469.648.667^d

(bốn trăm sáu mươi chín triệu, sáu trăm bốn mươi tám nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng), cả gốc và lãi là 2.149.648.667^d (hai tỷ, một trăm bốn mươi chín triệu, sáu trăm bốn mươi tám nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng) và lãi theo Hợp đồng các bên đã ký kết sau ngày 23/8/2025 thì Ngân hàng A được quyền bán tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã được Nhà nước cấp cho ông Trần Văn P và bà Mai Thị Ngọc N số: CP 295691, sổ vào sổ cấp GCN: CS07408, ngày 03/5/2019 để thu hồi nợ.

2.4. Án phí DS-ST: Ông Trần Văn P và bà Mai Thị Ngọc N tự nguyện chịu 37.496.000^d (ba mươi bảy triệu, bốn trăm chín mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

Hoàn trả cho Ngân hàng A số tiền 35.310.000^d (ba mươi lăm triệu, ba trăm mười nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm Ngân hàng A đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005349 ngày 15/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 - V).

2.5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản hết 5.000.000^d, ông Trần Văn P và bà Mai Thị Ngọc N tự nguyện chịu 5.000.000^d. Ông Nguyễn Mạnh H – đại diện Ngân hàng A đã nộp 5.000.000^d tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản, nay được khấu trừ và buộc ông Trần Văn P và bà Mai Thị Ngọc N có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng A 5.000.000^d.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều

30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - V;
- Phòng Thanh tra, Kiểm tra và Thi hành án TAND tỉnh V;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 - V;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN**Cao Văn Đức**